

**BỘ CÔNG THƯƠNG  
TRƯỜNG ĐHCN VIỆT - HUNG**

Số: 181/TTTS-ĐHVH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 28 tháng 05 năm 2026*

**THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026  
(Hình thức đào tạo chính quy)**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Tên cơ sở đào tạo:**

- **Tên trường:**

Tên tiếng Việt: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT - HUNG**

Tên tiếng Anh: VIETNAM - HUNGARY INDUSTRIAL UNIVERSITY

- **Sứ mệnh:** Là trường đại học công lập trực thuộc Bộ Công Thương đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng, là trung tâm nghiên cứu khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế đạt trình độ quốc gia và khu vực. Trường đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực khởi nghiệp và nhân lực hội nhập có chất lượng và trình độ phù hợp với nhu cầu của xã hội, góp phần thiết thực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

“Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung vì người học và sự phù hợp”

**2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: VHD**

**3. Địa chỉ các trụ sở chính:** Số 88, đường 419 - Tây phương, TP. Hà Nội

\* *Cơ sở Tùng Thiện:* Số 16, phố Hữu Nghị, phường Tùng Thiện, TP. Hà Nội

\* *Cơ sở Tây Phương:* Số 88, đường 419 - Tây phương, TP. Hà Nội

\* **Cơ sở Thanh Xuân:** Tầng 6, Hanoi Center Point - số 27 Lê Văn Lương, phường Thanh Xuân, TP. Hà Nội (Nút giao với đường Hoàng Đạo Thúy).

**4. Địa chỉ trang thông tin điện tử:** <https://tuyensinh.viu.edu.vn/>

**5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:** 0974 966 966 - 0988 645 558

\* Website: [tuyensinh.viu.edu.vn](https://tuyensinh.viu.edu.vn)



\* Fanpage: <https://www.facebook.com/dhcnvh>

\* Tiktok: [dhcnviethung](https://www.tiktok.com/@dhcnviethung) (0974 966 966)

\* Zalo: 0985 600 964 - 0988 645 558 - 0984 430 936 - 0984 058 666

**6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; đề án, quy chế thi tuyển sinh** (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi)

**7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo<sup>1</sup>**

+ Chương trình đào tạo: <https://viu.edu.vn/dao-cao/chuong-trinh-cao-cao-dai-hoc-chinh-quy-cac-nganh-hoc-k50-nam-2026-113461.html>

+ Ngành đào tạo: <https://tuyensinh.viu.edu.vn/21nganhk50.html>

---

<sup>1</sup> Theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công khai các thông tin về Hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

+ Đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý: <http://viu.edu.vn/tuyen-sinh/cong-khai-doi-ngu-giang-vien-can-bo-quan-ly-nam-2025-113375.html>

+ Cơ sở vật chất: <http://viu.edu.vn/tuyen-sinh/cong-khai-co-so-vat-chat-113382.html>

+ Quy mô đào tạo: <https://viu.edu.vn/dao-tao/cong-khai-quy-mo-dao-tao-hang-nam-113525.html>

+ Tỷ lệ sinh viên có việc làm: <https://viu.edu.vn/so-tay-sinh-vien/cong-khai-viec-lam-cua-sinh-vien-sau-tot-nghiep-nam-2026-113527.html>

+ Kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo ngành: <https://viu.edu.vn/tuyen-sinh/cong-khai-ke-hoach-tuyen-sinh-cac-nganh-hinh-thuc-trinh-do-dao-tao-nganh-113526.html>

## II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC, TUYỂN SINH CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

**1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển:** Thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương.

### 2. Mô tả phương thức tuyển sinh<sup>2</sup>:

- \* Phương thức 1 (Mã 100): Xét tuyển dựa và kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026
- \* Phương thức 2 (Mã 200): Xét tuyển dựa vào học bạ THPT (xét theo tổ hợp điểm trung bình cả năm lớp 10, 11, 12)
- \* Phương thức 3 (Mã 402): Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực HSA của ĐH Quốc gia Hà Nội hoặc Kết quả kỳ thi đánh giá tư duy TSA của ĐH Bách khoa Hà Nội hoặc Kết quả kỳ thi SPT của Trường ĐH Sư phạm Hà Nội
- \* Phương thức 4 (Mã 407): Xét tuyển kết hợp học bạ THPT (xét theo tổ hợp điểm trung bình cả năm lớp 12) và kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT.

### *Ghi chú về các tổ hợp xét tuyển:*

\* Các tổ hợp xét khối A:

A00: Toán, Vật Lí, Hóa học

A01: Toán, Vật Lí, Anh

A03: Toán, Vật lí, Lịch sử

A04: Toán, Vật lí, Địa lí

\* Các tổ hợp xét khối C:

C00: Văn, Lịch sử, Địa lí

C01: Văn, Vật lí, Toán

C03: Văn, Toán, Lịch sử

C04: Văn, Toán, Địa lí

\* Các tổ hợp xét khối D:

D01: Toán, Văn, Anh

D10: Toán, Anh, Địa lí

D14: Văn, Lịch sử, Anh

D84: Toán, Anh, GDKTPL

A07: Toán, Lịch sử, Địa lí  
 A08: Toán, Lịch sử, GDKTPL  
 A09: Toán, Địa lí, GDKTPL  
 A10: Toán, Vật Lí, GDKTPL

C14: Văn, Toán, GDKTPL  
 C19: Văn, Lịch sử, GDKTPL  
 C20: Văn, Địa lí, GDKTPL

\* Các tổ hợp xét khối X:  
 X02: Toán, Ngữ văn, Tin học  
 X04: Toán, Ngữ văn, CNNN  
 X06: Toán, Vật lí, Tin học  
 X18: Toán, Lịch sử, Tin học  
 X19: Toán, Lịch sử, CNCN  
 X20: Toán, Lịch sử, CNNN  
 X24: Toán, Địa lí, CNNN

<sup>2</sup> Phân biệt trình độ đại học và cao đẳng.

\* Chuyên ngành: *Kiến trúc nội thất xét tuyển thêm tổ hợp khối V00 (Toán, Vật lí, Mỹ thuật)*

### 3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

- Ngưỡng đầu vào nhận hồ sơ xét tuyển (Dự kiến):

TT	Mã ngành	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Tổ hợp	Chỉ tiêu	PT 100	PT 200	ĐG TD	ĐG NL
1	7510301	<b>Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử</b> Chuyên ngành: <i>Hệ thống điện</i> <i>Công nghệ kỹ thuật điện tử</i> <i>Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa</i>		150	16.0	18.0	50	70

		<i>Kỹ thuật điện và công nghệ thông minh Điện lạnh và điều hoà không khí</i>	A00						
2	7510302	<b>Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông</b> Chuyên ngành: <i>Hệ thống nhúng và IOT Công nghệ thiết kế vi mạch Kỹ thuật điện tử và tin học</i>	A01 A03 A04 A07	30	16.0	18.0	50	70	
3	7510201	<b>Công nghệ kỹ thuật cơ khí</b> Chuyên ngành: <i>Cơ điện tử Công nghệ chế tạo máy Thiết kế máy Chế tạo khuôn mẫu</i>	A08 A09 A10 C01	80	16.0	18.0	50	70	
4	7510103	<b>Công nghệ kỹ thuật xây dựng</b> Chuyên ngành: <i>Kiến trúc nội thất Xây dựng dân dụng và công nghiệp Xây dựng xanh Công nghệ xây dựng và năng lượng</i>	C03 C04 C14 D01	30	16.0	18.0	50	70	
5	7510205	<b>Công nghệ kỹ thuật ô tô</b> Chuyên ngành: <i>Công nghệ kỹ thuật ô tô Công nghệ ô tô điện</i>	D84 X02 X04	200	16.0	18.0	50	70	
6	7480101	<b>Khoa học máy tính</b> Chuyên ngành: <i>Khoa học máy tính Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu</i>	X06 X18	50	16.0	20.0	50	70	
7	7480201	<b>Công nghệ thông tin</b> Chuyên ngành: <i>Kỹ thuật phần mềm Thiết kế đồ họa số</i>	X19 X20	200	16.0	20.0	50	70	
8	7460108	<b>Khoa học dữ liệu</b> Chuyên ngành: <i>Khoa học dữ liệu trong tài chính Khoa học dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh</i>		30	16.0	20.0	50	70	
9	7520130	<b>Kỹ thuật ô tô</b> Chuyên ngành: <i>Kỹ thuật ô tô Kỹ thuật xe chuyên dụng và máy công trình</i>		30	16.0	20.0	50	70	

1/20

10	7520115	<b>Kỹ thuật Nhiệt</b> Chuyên ngành: <i>Kỹ thuật năng lượng tái tạo</i> <i>Kỹ thuật nhiệt - năng lượng công trình</i>		<b>30</b>	16.0	20.0	50	70
11	7520103	<b>Kỹ thuật cơ khí</b> Chuyên ngành: <i>Kỹ thuật cơ khí</i> <i>Kỹ thuật sản xuất thông minh</i> <i>Kỹ thuật cơ khí chế tạo ô tô</i>		<b>30</b>	16.0	18.0	50	70
12	7520114	<b>Kỹ thuật cơ điện tử</b> Chuyên ngành: <i>Kỹ thuật cơ điện tử</i> <i>Kỹ thuật cơ điện tử ô tô</i>		<b>30</b>	16.0	18.0	50	70
13	7520320	<b>Kỹ thuật môi trường</b> Chuyên ngành: <i>Kỹ thuật xử lý ô nhiễm</i> <i>Kỹ thuật tái chế và tuần hoàn chất thải</i>		<b>30</b>	16.0	20.0	50	70
14	7340101	<b>Quản trị kinh doanh</b> Chuyên ngành: <i>Quản trị kinh doanh</i> <i>Quản trị nhân lực</i> <i>Quản trị văn phòng</i> <i>Quản trị khách sạn và du lịch</i>	A07 A08 A09	<b>150</b>	16.0	18.0	50	70
15	7340115	<b>Marketing</b> Chuyên ngành: <i>Marketing</i>	A10 C00	<b>100</b>	16.0	18.0	50	70

11/2020

16	7340205	<b>Công nghệ tài chính</b> Chuyên ngành: <i>Công nghệ tài chính</i>	C03 C04	<b>30</b>	16.0	18.0	50	70
17	7340201	<b>Tài chính - Ngân hàng</b> Chuyên ngành: <i>Tài chính - Ngân hàng</i> <i>Tài chính kế toán</i>	C14 C19 C20	<b>50</b>	16.0	18.0	50	70
18	7310101	<b>Kinh tế</b> Chuyên ngành: <i>Kinh tế kế toán</i> <i>Kinh tế thương mại</i> <i>Kinh tế quản lý</i> <i>Kinh tế quốc tế</i> <i>Kinh tế đầu tư</i>	D01 D10 D14 D84 X02	<b>50</b>	16.0	18.0	50	70
19	7310109	<b>Kinh tế số</b> Chuyên ngành: <i>Kinh tế số</i> <i>Logistics và quản lý chuỗi cung ứng</i>	X04 X18 X19	<b>40</b>	16.0	18.0	50	70
20	7340301	<b>Kế toán</b> Chuyên ngành: <i>Kế toán doanh nghiệp</i>	X20 X24	<b>30</b>	16.0	18.0	50	70
21	7140114	<b>Quản lý giáo dục</b> Chuyên ngành: <i>Quản lý giáo dục</i>		<b>30</b>	16.0	18.0	50	70

#### 4. Chỉ tiêu tuyển sinh: 1.400

(Ghi rõ địa chỉ đào tạo; đối với mỗi mã trường trong tuyển sinh lập một bảng theo bảng dưới đây).

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành <sup>3</sup>	Tên ngành, nhóm ngành <sup>4</sup>	Chi tiêu	Phương thức tuyển sinh
1	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	V	Công nghệ - Công nghệ kỹ thuật	200	* Phương thức 1 (Mã 100): Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026  <i>Điểm trung bình = theo tổ hợp môn xét tuyển theo ngành có môn Toán hoặc Văn + 2 môn khác có điểm cao nhất) + Điểm cộng + Điểm ưu tiên.</i>
2	7510103	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	V		30	
3	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	V		80	
4	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	V		150	
5	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử, viễn thông	V		30	
6	7480201	Công nghệ thông tin	V	Máy tính và công nghệ thông tin	200	* Phương thức 2 (Mã 200): Xét tuyển dựa vào học bạ THPT (xét theo tổ hợp điểm trung bình cả năm lớp 10, 11, 12)
7	7480101	Khoa học máy tính	V		50	
8	7520320	Kỹ thuật môi trường	V	Kỹ thuật	30	<i>Điểm trung bình theo tổ hợp môn xét tuyển = (Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3) + Điểm cộng + Điểm ưu tiên.</i>
9	7520115	Kỹ thuật Nhiệt	V		30	
10	7520130	Kỹ thuật ô tô	V		30	

11	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	V		30	* Phương thức 3 (Mã 402): Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực HSA của ĐH Quốc gia Hà Nội hoặc Kết quả kỳ thi đánh giá tư duy TSA của ĐH Bách khoa Hà Nội hoặc Kết quả kỳ thi SPT của Trường ĐH Sư phạm Hà Nội.
12	7520103	Kỹ thuật cơ khí	V		30	
13	7310101	Kinh tế	VII	Khoa học xã hội và hành vi	50	
14	7310109	Kinh tế số	VII		40	
15	7340101	Quản trị kinh doanh	III	Kinh doanh và quản lý	150	

3.4 Theo danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

6

16	7340115	Marketing	III		100	* Phương thức 4 (Mã 407): Xét tuyển kết hợp học bạ THPT (xét theo tổ hợp điểm trung bình cả năm lớp 12) và kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT. <i>Điểm trung bình = (Điểm THPT cả năm lớp 12 + Điểm thi tốt nghiệp THPT có môn Toán hoặc Văn + 2 môn khác có</i>
17	7340201	Tài chính - Ngân hàng	III		50	
18	7340205	Công nghệ tài chính	III		30	
19	7340301	Kế toán	III		30	
20	7140114	Quản lý giáo dục	III	Khoa học giáo dục	30	

21	7460108	Khoa học dữ liệu	III	Toán và thống kê	30	<i>điểm cao nhất) + Điểm cộng + Điểm ưu tiên.</i>
----	---------	------------------	-----	------------------	----	---

## 5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

### a. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển:

Trường không sử dụng tiêu chí phụ trong xét tuyển ngoài các tiêu chí theo quy định trong Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

### b. Điểm cộng

Điểm thưởng (gọi chung là điểm cộng) không vượt quá 10% mức điểm tối đa của thang điểm xét tuyển ( tối đa 3 điểm đối với thang điểm 30).

### c. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo (CSĐT tuyển sinh theo nhóm ngành)

Năm 2026, Trường tuyển sinh 21 chương trình đào tạo đại học chính quy khóa 50. Việc lựa chọn các chương trình đào tạo sử dụng các tổ hợp xét tuyển dựa trên các căn cứ để đảm bảo nguyên tắc tối ưu quyền lợi và tăng tối đa cơ hội trúng tuyển cho thí sinh.

### d. Các thông tin khác...

- Điểm xét tuyển được làm tròn đến hai chữ số thập phân và quy về thang điểm 30.

### \* Mục tiêu, chương trình đào tạo

- **Mục tiêu:** đào tạo ra các kỹ sư, cử nhân có năng lực “Khởi nghiệp” và thích ứng với mọi loại hình doanh nghiệp
- **Chương trình đào tạo:** được thiết kế phù hợp với khả năng và nhu cầu của từng người học; đáp ứng yêu cầu năng lực của vị trí việc làm, do người học lựa chọn.
- **Học phí, học bổng:** thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước đối với sinh viên trường đại học công lập

## 6. Tổ chức tuyển sinh

Nhà trường tổ chức cho thí sinh đăng ký xét tuyển trên trang <http://dkxettuyen.viu.edu.vn/> theo thông báo của Trường.

- Thời gian nộp hồ sơ:

7

+ Đợt 1: từ 15/4/2026 đến 30/6/2026 (Xét tuyển phương thức 200 theo học bạ THPT)

+ Đợt 2: từ 02/7/2026 đến 14/7/2026 (Xét tuyển phương thức 100, 200, 402, 407)

- Thí sinh đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên hệ thống ĐKXT của Bộ GD&ĐT theo lịch tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT.

- *Hình thức:*

- Thí sinh gửi chuyển phát nhanh qua bưu điện về Trung tâm Tuyển sinh & truyền thông hoặc đăng ký trực tuyến tại link: <https://dkxettuyen.viu.edu.vn/>

- Địa chỉ nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT - HUNG

Trung tâm Tuyển sinh & Truyền thông

Địa chỉ: Số 88, đường 419, Tây Phương, TP. Hà Nội

Email: [tuyensinh.viu@gmail.com](mailto:tuyensinh.viu@gmail.com) hoặc [tuyensinh@viu.edu.vn](mailto:tuyensinh@viu.edu.vn)

Hotline: 0984 430 936 - 0988 645 558

- *Điều kiện nhận hồ sơ xét tuyển và nhập học:*

a) Bản sao hợp lệ (*công chứng*) các loại giấy tờ sau:

- Học bạ trung học phổ thông (2 bản);
- Bằng tốt nghiệp THPT hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT năm 2026 (2 bản);
- Giấy khai sinh (1 bản);
- Căn cước công dân (2 bản);
- Các giấy tờ để được hưởng chế độ ưu tiên (nếu có).

b) Bản chính các giấy tờ sau:

- Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu: [tuyensinh.viu.edu.vn](http://tuyensinh.viu.edu.vn));
- Giấy chứng nhận kết quả thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 (Nếu xét điểm thi);
- Lý lịch học sinh, sinh viên có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú;
- Ảnh 4x6: 02 chiếc.

## 7. Chính sách ưu tiên

Trường thực hiện áp dụng chính sách ưu tiên chung theo quy chế tuyển sinh hiện hành theo khu vực và theo đối tượng, cụ thể:

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm;

- Các mức điểm ưu tiên được quy định trong Điều này tương ứng với tổng điểm 3 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng môn thi (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

- Năm 2026, điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

*Điểm ưu tiên = [(30 - Tổng điểm đạt được)/7,5] × Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 Điều này*

Trường thực hiện xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và quy định của Trường (Thực hiện theo Thông báo xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển)

### **8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển**

+ *Đối với các nguyện vọng đăng ký xét tuyển trên trang của Trường:*

<http://dkxettuyen.viu.edu.vn/>

Nhà trường miễn toàn bộ lệ phí xét tuyển đại học chính quy K50

+ *Đối với các nguyện vọng đăng ký xét tuyển trên cổng thông tin của Bộ GD&ĐT:*

Thí sinh nộp lệ phí theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh:**

Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung cam kết giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy chế tuyển sinh của Trường.

Thực hiện theo quy định, quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.